HTML

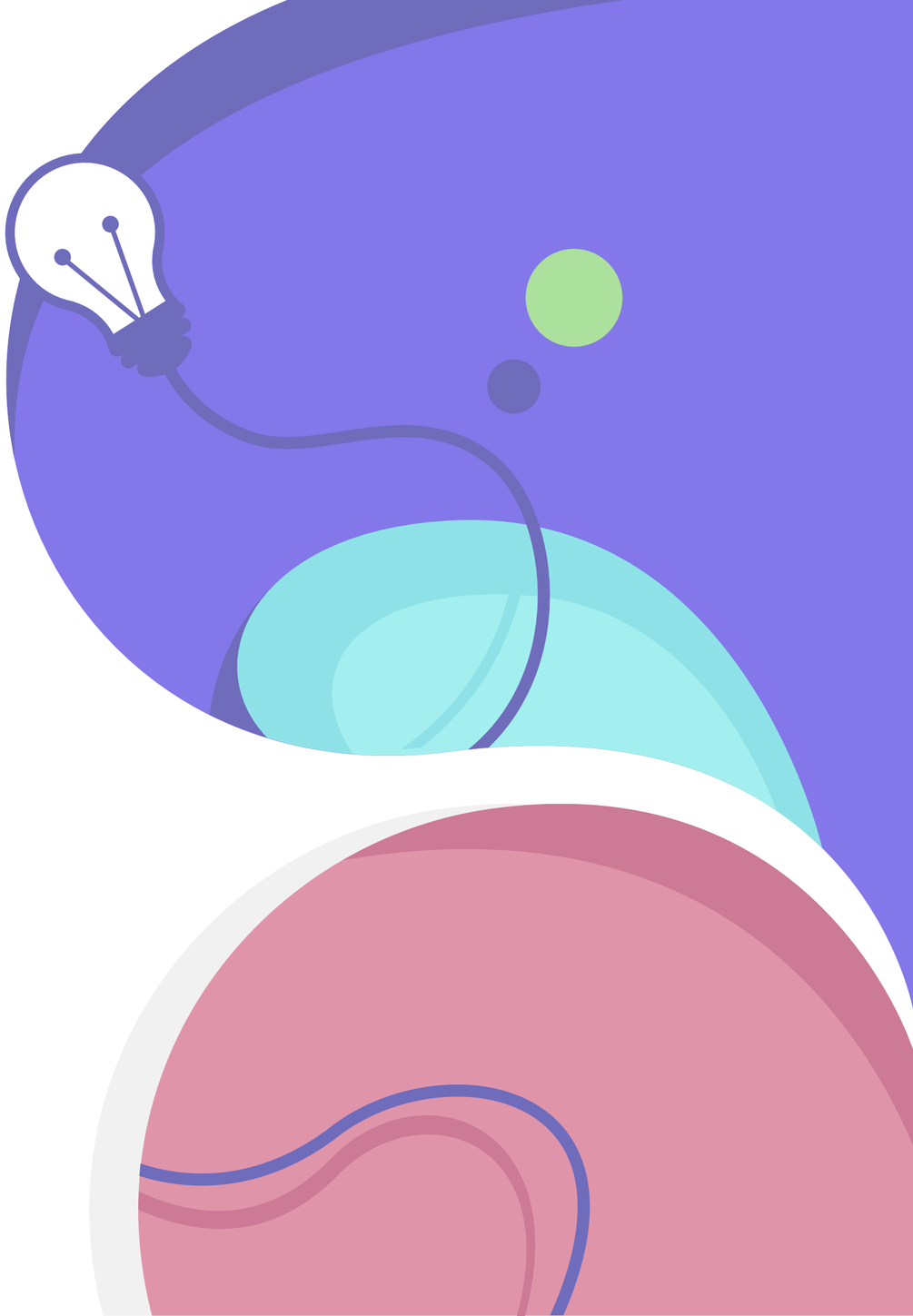

Ali Duc Huy

THẺ LIST (DANH SÁCH) TRONG HTML

Thẻ list (danh sách) dùng để liệt kê các mục theo thứ tự hoặc không theo thứ tự.

1. DANH SÁCH KHÔNG THỨ TỰ –

Các mục được liệt kê bằng dấu chấm đầu dòng (•).
Dùng thẻ <ul> để tạo danh sách và thẻ <li> để tạo từng mục.

Cú pháp:

```
<ul>
   <li>Mục 1</li>
   <li>Mục 2</li>
   <li>Mục 3</li>
</ul>
```

Kết quả hiển thị:

- Mục 1
- Mục 2
- Mục 3

2. DANH SÁCH CÓ THỨ TỰ –

Các mục được liệt kê theo số thứ tự (1, 2, 3,...).
Dùng thẻ <ol> để tạo danh sách và thẻ <li> để tạo từng mục.

Cú pháp:

```
<ol>
   <li>Mục 1</li>
   <li>Mục 2</li>
   <li>Mục 3</li>
</ol>
```

Kết quả hiển thị:

1. Mục 1
2. Mục 2
3. Mục 3

3. DANH SÁCH LỒNG NHAU

List có thể lồng trong list khác.
Có thể lồng <ul> trong <ol> hoặc ngược lại.

Cú pháp:

```
<ul>
   <li>Mục 1</li>
   <li>Mục 2
      <ol>
         <li>Mục 2.1</li>
         <li>Mục 2.2</li>
      </ol>
   </li>
   <li>Mục 3</li>
</ul>
```

Kết quả hiển thị:

- Mục 1
- Mục 2
  1. Mục 2.1
  2. Mục 2.2
- Mục 3

4. CÁC KIỂU HIỂN THỊ THƯỜNG DÙNG

Giá trị (thuộc tính type)	Ví dụ hiển thị
disc (mặc định)	• Mục
circle	○ Mục
square	▪ Mục
none	Mục (không dấu)

Giá trị (thuộc tính type)	Ví dụ hiển thị
1 (mặc định)	1. Mục
A	A. Mục
a	a. Mục
I	I. Mục
i	i. Mục

Cách sử dụng:

- <ul type="circle"> ...
- <ol type="A"> ...
- (HTML5: nên dùng CSS để tùy chỉnh)

5. QUY TẮC NHỚ NHANH

- List luôn đi theo cặp thẻ mở và đóng.
- Mỗi mục trong list phải nằm trong thẻ <li>.
- Có thể lồng list bên trong mục <li>.
- Nên dùng list để hiển thị menu, danh mục, các bước,...

VÍ DỤ ỨNG DỤNG THỰC TẾ

Ví dụ 1: Menu trang web

- Trang chủ
- Giới thiệu
- Sản phẩm
- Liên hệ

```
<ul>
   <li>Trang chủ</li>
   <li>Giới thiệu</li>
   <li>Sản phẩm</li>
   <li>Liên hệ</li>
</ul>
```

Ví dụ 2: Các bước đăng ký)

1. Nhập thông tin
2. Xác nhận email
3. Hoàn tất đăng ký

```
<ol>
   <li>Nhập thông tin</li>
   <li>Xác nhận email</li>
   <li>Hoàn tất đăng ký</li>
</ol>
```

Ví dụ 3: Danh mục khóa học

- Lập trình
  - Python cơ bản
  - HTML, CSS
- Tin học văn phòng
  - Word
  - Excel

```
<ul>
   <li>Lập trình
      <ul>
         <li>Python cơ bản</li>
         <li>HTML, CSS</li>
      </ul>
   </li>
   <li>Tin học văn phòng
      <ul>
         <li>Word</li>
         <li>Excel</li>
      </ul>
   </li>
</ul>
```

GHI NHỚ

- : Danh sách không thứ tự (dấu chấm, hình vuông, vòng tròn...)
- : Danh sách có thứ tự (số, chữ cái, số La Mã...)

MẸO NHỎ Dùng list giúp trang web ngăn nắp và dễ đọc hơn!

BÀI TẬP THẺ <a> (ANCHOR) TRONG HTML

Thẻ <a> (anchor) dùng để tạo siêu liên kết đến trang web khác, file, vị trí trong trang hoặc email.
Cú pháp: `<a href="đường_dẫn" target="mục_tiêu">Nội dung liên kết</a>`

1. Liên kết đến trang web

Kết quả hiển thị:

Truy cập các trang:
- Google
- Facebook
- YouTube

Yêu cầu:
- Tạo 3 liên kết đến các trang:
  - https://www.google.com
  - https://www.facebook.com
  - https://www.youtube.com
- Mở trong tab mới (`target="_blank"`).

2. Liên kết đến file

Kết quả hiển thị:

Tài liệu tham khảo:
- Giáo trình HTML (PDF)
- Bài tập HTML (DOCX)
- Danh sách học viên (XLSX)

Yêu cầu:
- Tạo liên kết để tải các file sau:
  - giao-trinh-html.pdf
  - bai-tap-html.docx
  - danh-sach-hoc-vien.xlsx
- Mở trong tab hiện tại (không dùng target).

3. Liên kết đến email

Kết quả hiển thị:

Liên hệ với chúng tôi:
Gửi email ngay

Yêu cầu:
- Tạo liên kết mở ứng dụng email để gửi đến địa chỉ: info@nextbase.vn
- Nội dung hiển thị: *Gửi email ngay*

4. Liên kết đến số điện thoại

Kết quả hiển thị:

Hotline hỗ trợ:
Gọi ngay: 0901 234 567

Yêu cầu:
- Tạo liên kết để gọi đến số điện thoại: 0901234567
- Nội dung hiển thị: *Gọi ngay: 0901 234 567*

5. Liên kết đến vị trí trong trang

Kết quả hiển thị:

Mục lục
- Giới thiệu
- Sản phẩm
- Liên hệ

Yêu cầu:
- Tạo mục lục như kết quả hiển thị.
- Khi nhấp vào, trang sẽ cuộn đến đúng phần tương ứng bên dưới.
- Sử dụng id cho các tiêu đề bên dưới.

Ví dụ phần nội dung bên dưới:

Giới thiệu
Nội dung phần giới thiệu...

Sản phẩm
Nội dung phần sản phẩm...

Liên hệ
Nội dung phần liên hệ...

6. Liên kết có tiêu đề (title)

Kết quả hiển thị:

Trang tham khảo:
- W3Schools
- MDN Web Docs

Yêu cầu:
- Tạo 2 liên kết đến:
  - https://www.w3schools.com
  - https://developer.mozilla.org
- Thêm thuộc tính title cho mỗi liên kết:
  - W3Schools: "Học lập trình tại W3Schools"
  - MDN Web Docs: "Tài liệu dành cho lập trình viên"
- Mở trong tab mới.

7. Liên kết bao quanh văn bản

Kết quả hiển thị:

Truy cập trang chủ NextBase Academy

Yêu cầu:
- Tạo liên kết đến trang: https://nextbase.vn
- Bao quanh toàn bộ dòng chữ bằng thẻ <a>.
- Mở trong tab mới.

8. Liên kết kết hợp

Kết quả hiển thị:

Thông tin hữu ích:
- Website: NextBase
- Email: info@nextbase.vn
- Gọi điện: 0901 234 567
- Đến phần Liên hệ

Yêu cầu:
- Kết hợp 4 loại liên kết:
  - Đến trang web
  - Gửi email
  - Gọi điện
  - Đến vị trí trong trang (#lien-he)

GHI NHỚ

- Dùng `href` để chỉ đường dẫn.
- Dùng `target="_blank"` để mở liên kết trong tab mới.
- Dùng `mailto:` để gửi email.
- Dùng `tel:` để gọi điện thoại.
- Dùng `#id` để liên kết đến vị trí trong cùng trang.

THẺ <img> TRONG HTML

Thẻ <img> dùng để chèn hình ảnh vào trang web.
Đây là thẻ không có thẻ đóng.

Kết quả hiển thị

1. CÚ PHÁP

```
<img src="duong_dan_hinh_anh"  alt="mô tả hình ảnh" />
```

- Thẻ <img> là thẻ đơn, không có thẻ đóng.
- Thông tin hình ảnh được khai báo qua các thuộc tính.

2. CÁC THUỘC TÍNH THƯỜNG DÙNG

Thuộc tính	Ý nghĩa	Ví dụ
src	Đường dẫn đến hình ảnh (bắt buộc phải có)	
alt	Văn bản thay thế khi hình ảnh không hiển thị được	
width	Chiều rộng của hình ảnh	
height	Chiều cao của hình ảnh	

3. VÍ DỤ MINH HỌA

Mã HTML

```
<img src="hinh1.jpg" alt="Phong cảnh" />
<img src="hinh2.jpg" alt="Chú mèo" width="300" />
<img src="hinh3.jpg" alt="Bãi biển"
  width="400" height="250" />
```

Kết quả hiển thị

4. ĐƯỜNG DẪN HÌNH ẢNH

Có 2 loại đường dẫn:

- Đường dẫn tương đối: đến hình ảnh trong cùng thư mục hoặc thư mục con.
  Ví dụ:
- Đường dẫn tuyệt đối: đến hình ảnh ở một trang web khác.
  Ví dụ:

5. MỘT SỐ VÍ DỤ KHÁC

Hình ảnh đơn giản

```
<img src="logo.png" alt="Logo" />
```

NEXTBASE ACADEMY

Thay đổi kích thước

```
<img src="hoa.jpg" alt="Hoa" width="200" height="150">
```

Hình ảnh từ internet

```
<img src="https://picsum.photos/300/200"
 alt="Ảnh ngẫu nhiên" />
```

Nếu hình ảnh không hiển thị được

```
<img src="khongtontai.jpg"alt="Hinh không tồn tại" />
```

Hình không tồn tại

GHI NHỚ

- Thẻ <img> không có thẻ đóng.
- Luôn dùng thuộc tính alt để mô tả hình ảnh.
- Có thể chỉnh kích thước bằng width và height.
- Đường dẫn hình ảnh có thể là tương đối hoặc tuyệt đối.

IMG

KẾT HỢP THẺ <a>, <img> VÀ LIST

Chúng ta có thể dùng thẻ <a> để tạo liên kết cho hình ảnh hoặc cho các mục trong danh sách.
Kết hợp với thẻ <img> để hiển thị hình ảnh và list (ul/ol) để tạo danh sách.

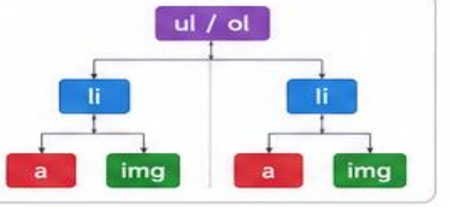

1. MÃ HTML MINH HỌA

```
<h3>Danh sách bài học</h3>
<ul>
    <li>
       <a href="html.html">
          <img src="html.png" alt="HTML" width="80">
          <span>HTML cơ bản</span>
       </a>
    </li>
    <li>
       <a href="css.html">
          <img src="css.png" alt="CSS" width="80">
          <span>CSS cơ bản</span>
       </a>
    </li>
    <li>
       <a href="js.html">
          <img src="js.png" alt="JavaScript" width="80">
          <span>JavaScript cơ bản</span>
       </a>
    </li>
</ul>
```

2. KẾT QUẢ HIỂN THỊ

Danh sách bài học

- HTML cơ bản
- CSS cơ bản
- JavaScript cơ bản

3. GIẢI THÍCH

- `<a>` : Tạo liên kết. Toàn bộ hình ảnh và chữ bên trong sẽ là một liên kết.
- `<img>` : Hiển thị hình ảnh.
- `<ul>` : Tạo danh sách không thứ tự (dấu chấm).
- `<li>` : Mỗi mục trong danh sách.

Cấu trúc:

```
<ul>
    <li>
       <a href="...">
          <img src="..." alt="..." />
          <span>...</span>
       </a>
    </li>
    ...
</ul>
```

4. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Yêu cầu: Tạo danh sách các trang mạng xã hội. Mỗi mục gồm:

- Hình ảnh (logo)
- Tên trang
- Khi nhấp vào, mở liên kết tương ứng (mở tab mới)

Gợi ý:

- Sử dụng `<ul>`, `<li>` để tạo danh sách.
- Sử dụng `<a>` kết hợp `<img>`.
- Thêm thuộc tính `target="_blank"` để mở liên kết ở tab mới.

Kết quả mong đợi:

- Facebook
- YouTube
- Google
- Zalo

```
<ul>
  <li>
    <a href="https://www.facebook.com" target="_blank">
      <img src="fb.png" alt="Facebook" width="30"> Facebook
    </a>
  </li>

  <li>
    <a href="https://www.youtube.com" target="_blank">
      <img src="yt.png" alt="YouTube" width="30"> YouTube
    </a>
  </li>

  ...
</ul>
```

5. GHI NHỚ

- Dùng <a> để tạo liên kết.
- Có thể đặt <img> bên trong <a>.
- Mỗi mục trong danh sách nằm trong <li>.
- Sử dụng target="_blank" để mở liên kết ở tab mới.

Thực hành nhiều để ghi nhớ nhé! 🙂

27. HTML Form

- **Form** dịch ra tiếng Việt mình là biểu mẫu, dùng để nhập thông tin để gửi lên Web Server
- Bên trong mỗi **Form** sẽ có các thẻ **input**, **select**, **radio…vv.** Ví dụ cơ bản nhất:

```
<form action="https://www.google.com/search" method="get" autocomplete="on">
    <label for="search">Keyword:</label><br>
    <input type="text" id="search" name="q" placeholder="Search Google...">
    <button type="submit">Search</button>
 </form>
```

- **action**: Nơi gửi dữ liệu.
- **method**: Kiểu gửi: **(GET / POST)** Sau này làm chuẩn **RESTful API** thì thêm **PUT/PATCH/DELETE**
- **name**: Tên của form (nên dùng khi trên một trang web có nhiều form cùng lúc)
- **autocomplete**: Có cho phép tự động điền giá trị vào form hay không?

THẺ <form> TRONG HTML

Thẻ <form> dùng để tạo biểu mẫu (form) để người dùng nhập dữ liệu.
Dữ liệu sẽ được gửi đi khi người dùng nhấn nút gửi (Submit).

Cú pháp cơ bản:

```
<form action="..." method="...">
  ...
</form>
```

1. CÁC PHẦN TỬ (INPUT) THƯỜNG DÙNG

Loại (type)	Mô tả	Ví dụ mã HTML	Hiển thị
text	Ô nhập một dòng chữ	`<input type="text" name="hoten">`	Nguyễn Văn A
password	Ô nhập mật khẩu (ẩn ký tự)	`<input type="password" name="mk">`	••••••••
email	Ô nhập email	`<input type="email" name="email">`	abc@gmail.com
number	Ô nhập số	`<input type="number" name="tuoi">`	18
tel	Ô nhập số điện thoại	`<input type="tel" name="sdt">`	0123456789
url	Ô nhập địa chỉ web	`<input type="url" name="website">`	https://example.com
date	Chọn ngày	`<input type="date" name="ngaysinh">`	02 / 06 / 2024
time	Chọn giờ	`<input type="time" name="giohen">`	10 : 30
datetimo-local	Chọn ngày và giờ	`<input type="datetime-local" name="tgian">`	02 / 06 / 2024, 10:30
radio	Chọn 1 trong nhiều lựa chọn	`<input type="radio" name="gioitinh" value="nam"> Nam` `<input type="radio" name="gioitinh" value="nu"> Nữ`	◯ Nam ◉ Nữ
checkbox	Chọn 1 hoặc nhiều lựa chọn	`<input type="checkbox" name="sothich" value="doc"> Đọc sách` `<input type="checkbox" name="sothich" value="thethao"> Thể thao`	☐ Đọc sách ☐ Thể thao
file	Chọn tệp tin	`<input type="file" name="hinhanh">`	Choose File No file chosen
hidden	Dữ liệu ẩn (không hiển thị)	`<input type="hidden" name="id" value="123">`	(không hiển thị)
submit	Nút gửi form	`<input type="submit" value="Gửi đi">`	Gửi đi
reset	Nút xóa dữ liệu đã nhập	`<input type="reset" value="Nhập lại">`	Nhập lại
button	Nút bấm (không gửi form)	`<input type="button" value="Bấm tôi">`	Bấm tôi

2. THẺ KHÁC TRONG FORM

Thẻ	Mô tả	Ví dụ	Hiển thị
<label>	Gắn nhãn cho phần tử	`<label for="email">Email:</label>`	Email:
<textarea>	Ô nhập nhiều dòng	`<textarea name="noidung" rows="4" cols="30"></textarea>`	

<select>	Danh sách thả xuống	`<select name="tinh">`
		`<option value="">-- Chọn tỉnh --</option>`
		`<option value="hcm">TP. Hồ Chí Minh</option>`
		`<option value="hn">Hà Nội</option>`
		`</select>`
			-- Chọn tỉnh --

<option>	Lựa chọn trong select	`<option value="hcm">TP. Hồ Chí Minh</option>`	TP. Hồ Chí Minh

3. VÍ DỤ MINH HỌA

Mã HTML

```
<form action="xuly.php" method="post">
  <h3>Đăng ký tài khoản</h3>
  <label for="hoten">Họ và tên:</label><br>
  <input type="text" id="hoten" name="hoten"><br><br>
  <label for="email">Email:</label><br>
  <input type="email" id="email" name="email"><br><br>
  <label for="mk">Mật khẩu:</label><br>
  <input type="password" id="mk" name="mk"><br><br>
  Giới tính:<br>
  <input type="radio" name="gioitinh" value="nam" checked> Nam
  <input type="radio" name="gioitinh" value="nu"> Nữ<br><br>
  Sở thích:<br>
  <input type="checkbox" name="sothich" value="doc"> Đọc sách
  <input type="checkbox" name="sothich" value="thethao"> Thể thao
  <input type="checkbox" name="sothich" value="amnhac">
  Âm nhạc<br><br>
  Giới thiệu bản thân:<br>
  <textarea name="gioithieu" rows="4" cols="30"
  >Nhập vài dòng giới thiệu....</textarea><br><br>
  Tỉnh thành:<br>
  <select name="tinh">
    <option value="">-- Chọn tỉnh --</option>
    <option value="hcm">TP. Hồ Chí Minh</option>
    <option value="hn">Hà Nội</option>
    <option value="dn">Đà Nẵng</option>
  </select><br><br>
  <input type="file" name="hinhanh"><br><br>
  <input type="submit" value="Đăng ký">
  <input type="reset" value="Nhập lại">
  <input type="button" value="Nút bấm thường">
</form>
```

Kết quả hiển thị

Đăng ký tài khoản

Họ và tên: Nguyễn Văn A

Email: abc@gmail.com

Mật khẩu: ••••••••

Giới tính: ◉ Nam ◯ Nữ

Sở thích: ☑ Đọc sách ☑ Thể thao ☑ Âm nhạc

Giới thiệu bản thân: Xin chào! Tôi là học sinh lớp 10.

Tỉnh thành: Hà Nội

Hình ảnh: Choose File avatar.jpg

Đăng ký | Nhập lại | Nút bấm thường

4. GHI NHỚ

- Form bắt đầu bằng <form> và kết thúc bằng </form>.
- Dùng method="post" (gửi dữ liệu an toàn hơn).
- Dùng label để gắn nhãn cho ô nhập liệu.
- Sử dụng name để đặt tên cho dữ liệu (rất quan trọng).
- Nút gửi thường dùng: <input type="submit" ...>.
- Có thể dùng nhiều loại input khác nhau tùy nhu cầu.

5. BÀI TẬP

1. Tạo form đăng ký gồm: Họ tên, Email, Mật khẩu, Giới tính, Nút gửi.
2. Tạo form liên hệ gồm: Họ tên, Email, Nội dung (textaraa), Nút gửi.
3. Tạo form khảo sát sở thích gồm: 3 checkbox, 1 select, Nút gửi.
4. Tạo form tải lên ảnh: chọn file và gửi đi.

VÍ DỤ: DÙNG name ĐỂ LẤY DỮ LIỆU VÀ GỬI LÊN SERVER BẰNG JAVASCRIPT

- Thuộc tính name giúp đặt tên cho ô nhập.
- Khi gửi form, dữ liệu sẽ được gửi lên server theo cặp name=value.

1. FORM HTML

```html
<form id="myForm">
  <label>Họ và tên:</label><br>
  <input type="text" name="hoten" placeholder="Nhập họ tên"><br><br>

  <label>Email:</label><br>
  <input type="email" name="email" placeholder="Nhập email"><br><br>

  <label>Tuổi:</label><br>
  <input type="number" name="tuoi" placeholder="Nhập tuổi"><br><br>

  <button type="button" onclick="guiForm()">Gửi</button>
</form>
```

Hiển thị:

Họ và tên:

Email:

Tuổi:

Gửi

2. JAVASCRIPT – LẤY DỮ LIỆU THEO name VÀ GỬI LÊN SERVER

```js
function guiForm() {
  // Lấy giá trị từ các ô input dựa vào thuộc tính name
  const form = document.getElementById("myForm");
  const data = {
    hoten: form.hoten.value,     // name="hoten"
    email: form.email.value,     // name="email"
    tuoi: form.tuoi.value        // name="tuoi"
  };
  // Gửi dữ liệu lên server bằng Fetch API
  fetch("xuly.php", {
    method: "POST",
    headers: { "Content-Type": "application/x-www-form-urlencoded" },
    body: new URLSearchParams(data) // tự động chuyển thành hoten=...&email=...&tuoi=...
  })
   .then(response => response.text())
   .then(result => {
     alert("Server trả về: " + result);
   })
   .catch(error => console.error("Lỗi:", error));
}
```

Giải thích:

- **form.hoten.value** → Lấy giá trị của ô có name="hoten"
- **form.email.value** → Lấy giá trị của ô có name="email"
- **form.tuoi.value** → Lấy giá trị của ô có name="tuoi"
- **URLSearchParams(data)** → Chuyển object thành chuỗi: hoten=...&email=...&tuoi=...

3. FILE PHP NHẬN DỮ LIỆU (xuly.php)

```php
<?php
  $hoten  = $_POST['hoten'];
  $email  = $_POST['email'];
  $tuoi   = $_POST['tuoi'];
  // Xử lý dữ liệu (lưu DB, kiểm tra, ...)
  // Ở đây chỉ in ra để demo
  echo "OK! Nhận được dữ liệu:<br>";
  echo "Họ tên:  " . $hoten . "<br>";
  echo "Email:  " . $email . "<br>";
  echo "Tuổi:  " . $tuoi . "<br>";
?>
```

Kết quả trả về:

OK! Nhận được dữ liệu:
Họ tên: Nguyễn Văn A
Email: abc@gmail.com
Tuổi: 20

4. QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG

5. GỬI DỮ LIỆU DƯỚI DẠNG JSON (CÁCH KHÁC)

```js
fetch("xuly.php", {
   method: "POST",
   headers: { "Content-Type": "application/json" },
   body: JSON.stringfy(data) // gửi dữ liệu dạng JSON
})
```

PHP nhận JSON:

```php
$data = json_decode(file_get_contents("php://input"), true);
$hoten  = $data['hoten'];
$email  = $data['email'];
$tuoi   = $data['tuoi'];
```

6. GHI NHỚ

- Dùng name để đặt tên cho ô nhập dữ liệu.
- JavaScript sẽ lấy dữ liệu dựa vào name.
- Dữ liệu được gửi lên server theo dạng name=value (mặc định) hoặc JSON.
- Server nhận dữ liệu từ $_POST (với form-urlencoded) hoặc JSON (với application/json).

name chính là "chìa khóa" của dữ liệu!

32. HTML Form Validation

```
    <form>
      <label>Name:</label>
      <input type="text" name="name" required minlength="3"><br><br>
      <label>Email:</label>
      <input type="email" name="email" required><br><br>
      <label>Phone:</label>
      <input type="tel" name="phone" pattern="^[0-9]{10}$" title="Enter 10 digits"
required><br><br>
      <button type="submit">Submit</button>
    </form>
```

32. HTML Form Validation

HTML5 hỗ trợ validate nhanh như sau:

- **required**: Bắt buộc người dùng phải nhập dữ liệu
- **min**: Yêu cầu giá trị tối thiểu cho input number, date…vv
- **max**: yêu cầu giá trị tối đa cho input number, date…vv
- **pattern**: Dùng để validate điều kiện phức tạp với **biểu thức chính quy Regex**
- **minlength**: Độ dài chuỗi tối thiểu cần phải nhập, thường dùng cho input text
- **maxlength**: Độ dài chuỗi tối đa cần phải nhập, thường dùng cho input text

Bổ sung chút kiến thức vỡ lòng về regex:

https://viblo.asia/p/hoc-regular-expression-va-cuoc-doi-ban-se-bot-kho-updated-v22-Az45bnoO5xY

BÀI TẬP: HTML FORM (Chỉ dùng HTML)

1. Form đăng nhập

ĐĂNG NHẬP

Tên đăng nhập:

Mật khẩu:

Đăng nhập

2. Form đăng ký tài khoản

ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN

Họ và tên:

Email:

Mật khẩu:

Xác nhận mật khẩu:

Đăng ký

3. Form thông tin cá nhân

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ tên:

Tuổi:

Ngày sinh: dd / mm / yyyy

Số điện thoại:

Website:

Gửi

4. Form chọn giới tính

GIỚI TÍNH

- ◯ Nam
- ◯ Nữ
- ◯ Khác

Gửi

5. Form sở thích

SỞ THÍCH

- ☐ Đọc sách
- ☐ Nghe nhạc
- ☐ Chơi game
- ☐ Lập trình

Gửi

6. Form góp ý

GÓP Ý

Họ tên:

Nội dung góp ý:

Gửi

7. Form chọn thành phố

THÀNH PHỐ

-- Chọn thành phố --

- TP.HCM
- Hà Nội
- Đà Nẵng
- Cần Thơ

Gửi

8. Form tải ảnh

ẢNH ĐẠI DIỆN

Choose File No file chosen

Upload

9. Form khảo sát

KHẢO SÁT

Họ tên:

Giới tính: ◯ Nam ◯ Nữ

Môn yêu thích: ☐ Toán ☐ Tin ☐ Anh

Lớp: 10A1

Góp ý:

Gửi

10. Form xin việc (Tổng hợp)

ĐƠN ỨNG TUYỂN

Họ tên:

Email:

Số điện thoại:

Ngày sinh: dd / mm / yyyy

Giới tính: ◯ Nam ◯ Nữ

Kinh nghiệm:

Ảnh CV: Choose File No file chosen

Tỉnh thành: -- Chọn tỉnh thành --

Gửi Nhập lại

11. Form đăng ký khóa học

ĐĂNG KÝ KHÓA HỌC

Họ tên:

Email:

Số điện thoại:

Khóa học: -- Chọn khóa thọn --

Ca học: ◯ Sáng ◯ Chiều ◯ Tối

Hình thức học: ☐ Online ☐ Offline

Ghi chú:

Ảnh (nếu có): Choose File No file chosen

Đăng ký

GHI CHÚ

- Sử dụng các thẻ: <form>, <label>, <input>, <textarea>, <select>, <option>.
- Sử dụng thuộc tính thích hợp cho từng loại input (type, name, id, for...).
- Không dùng CSS, chỉ làm giao diện bằng HTML.